TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *29/2019/DS-ST*
Ngày: *21-3-2019*
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày *21* tháng *3* năm *2019*, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: *49/2019*/TLST-*DS* ngày *15* tháng *01* năm *2019* về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *26/2019*/QĐXXST-DS ngày *27* tháng *02* năm *2019* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 năm 2019 và các lời khai của Bà Vũ Thị H trình bày như sau:

Ngày 28/3/2014 do Ông S có nhu cầu xây nhà dùm người khác nên có đến cửa hàng của bà mua vật liệu xây dựng gồm gạch, cát, đá, xi măng … tổng cộng là 17.320.000 đồng, việc mua bán giữa hai bên chỉ giao kết bằng lời nói, nhưng khi giao vật liệu xây dựng bà có ghi hóa đơn của cửa hàng và Ông S trực tiếp ký tên. Ông S hứa trong vòng vài ngày sẽ trả tiền cho bà nhưng cho đến nay Ông S vẫn không trả tiền cho bà. Mặc dù bà có đến đòi nhiều lần nhưng Ông S không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Văn S phải hoàn trả cho bà số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 17.320.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ tháng 8/2014 đến tháng 02/2019 là 9.179.600 đồng. Tổng cộng là 26.500.000 đồng (số làm tròn). Bà chỉ yêu cầu cá nhân Ông S phải thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng, không yêu cầu vợ Ông S phải liên đới thanh toán. Bà đồng ý cho Ông S thời hạn thanh toán là 4 tháng nhưng Ông S phải trả cho tôi số tiền cả gốc lẫn lãi là 26.500.000 đồng.

Tại bản tự khai của Ông Nguyễn Văn S: Do ông có nhu cầu cất nhà nên có mua vật liệu xây dựng của Bà H và nợ lại số tiền 17.320.000 đồng, do ông gặp khó khăn nên chưa thanh toán được. Nay Bà H yêu cầu ông hoàn trả số tiền 17.320.000 đồng, ông đồng ý trả nhưng xin hẹn thời gian 4 tháng, đến ngày 27/6/2019 sẽ thanh toán đủ. Đối với khoản tiền lãi 9.179.600 đồng, ông không đồng ý vì đây là việc mua bán không phải vay mượn nên ông không đồng ý trả số tiền lãi như yêu cầu của Bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn S trả số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 17.320.000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ông S không trả tiền mua vật liệu xây dựng nên Bà H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ông S có hộ khẩu thường trú tại Ấp H, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hai bên mua bán vật liệu xây dựng từ năm 2014 nhưng không thỏa thuận chính xác ngày trả tiền nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, Ông S thừa nhận còn nợ Bà H tiền mua vật liệu xây dựng là 17.320.000 đồng, ông đồng ý trả nhưng xin hẹn thời gian 4 tháng, đến ngày 27/6/2019 sẽ thanh toán đủ. Đối với khoản tiền lãi 9.179.600 đồng thì ông không đồng ý trả. Bà H chỉ đồng ý cho Ông S thời gian 4 tháng, đến ngày 27/6/2019 sẽ thanh toán đủ tiền cả gốc lẫn lãi là 26.500.000 đồng (tiền gốc là 17.320.000 đồng và tiền lãi là 9.179.600 đồng). Do đó Bà H yêu cầu Ông S trả số tiền gốc 17.320.000 đồng và trả 01 lần là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về lãi suất: Các đương sự có tranh chấp về lãi suất, Bà H yêu cầu Ông S trả tiền lãi từ năm 2014 đến nay là 9.179.600 đồng còn Ông S thì không đồng ý. Xét thấy việc Bà H yêu cầu Ông S trả lãi suất phát sinh do chậm trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ. Tuy nhiên, Bà H yêu cầu Ông S trả tiền lãi từ năm 2014 đến nay với lãi suất 1%/tháng là 9.179.600 đồng là cao hơn quy định nên

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Bà H về tiền lãi và được tính lại như sau: Từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 12 năm 2016 là 17.320.000 đồng x 27 tháng x 9%/năm = 3.507.300 đồng; từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019 là 17.320.000 đồng x 27 tháng x 10%/năm = 3.897.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 7.404.000 đồng (số làm tròn).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông S phải chịu án phí trên tổng số tiền 24.724.000 đồng (tiền gốc 17.320.000 đồng và lãi 7.404.000 đồng). Bà H chịu án phí trên số tiền 9.179.600 đồng trừ 7.404.000 đồng, phần tiền lãi bị bác yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị H về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán" đối với Ông Nguyễn Văn S.

Buộc Ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho Bà Vũ Thị H số tiền 24.724.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng), sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông S nộp 1.236.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước; buộc Bà H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 662.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003999 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, hoàn lại cho Bà H 362.000 đồng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ghên – Trương Thị Kim Tiến **Đỗ Bình An**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Bình An